

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
VII	Xã Tân Lang						
1	Đi vào ngã ba bản Diệt cách 100m	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2	
2	Đến suối đi xã Mường Lang cách 100m	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2	
3	Từ cổng trường cấp 3 Tân Lang đi hướng Sông Mưa 100m	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2	
4	Từ cổng trường cấp 3 Tân Lang đi hướng UBND xã 100m	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2	
5	Từ cổng UBND xã Tân Lang đi hướng Sông Mưa 100m	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2	
6	Từ cổng UBND xã Tân Lang đi hướng QL 32 100m	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2	
VIII	Xã Tân Phong (từ trung tâm xã đi hai hướng)						
1	Đi bến phà cách 150m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
2	Đi Phù Yên 150m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
IX	Xã Huy Hạ (ngã ba Huy Hạ đi 3 hướng)						
1	Đi Sơn La đến đầu cầu bản Trồ	3,4	3,3	3,3	3,3	3,3	
2	Đi Hà Nội đến đường rẽ vào bản Kim Tân	3,4	3,3	3,3	3,3	3,3	
3	Đi tỉnh lộ 114 qua cổng trại Yên Hạ 150 m	1,3	1,2	1,4	1,3	1,2	
X	Xã Huy Thượng (ngã ba Huy Thượng đi 3 hướng)						
1	Đi Sơn La đến trạm cấp nước (QL37)	2,5	1,5	1,5	1,5	1,5	
2	Đi Hà Nội cách 300m (QL 37)	1,8	1,3	1,3	1,3	1,3	
3	Đi vào xã Huy Tân 150m (tỉnh lộ 114)	1,7	1,3	1,3	1,3	1,3	
I	HUYỆN SỚP CỘP						
I	Đường trung tâm xã Sốp Cộp						
1	Từ đầu cầu Nậm Lạnh (nhà nghỉ Phương Hoa) đến hết đất nhà ông Quảng Văn Phương Bí thư Đảng uỷ xã Sốp Cộp, hướng Sốp Cộp - Nậm Lạnh phía bên trái đường	1,3	1,3	1,2	1,2	1,0	
2	Từ mét 17,4 hết đất nhà ông Tòng Văn Thạch đến hết đất nhà ông Quảng Văn Phương, hướng đi Nậm Lạnh (bên phải đường)	1,3					
3	Từ hết đất nhà ông Quảng Văn Phương Bí thư Đảng uỷ xã Sốp Cộp đến cổng trường Tiểu học hướng Sốp Cộp đi Nậm Lạnh hai bên đường	1,2	1,2	1,1	1,1	1,0	
4	Từ cổng trường Tiểu học đến hết nhà máy nước hướng Sốp Cộp - Nậm Lạnh, hai bên đường	1,3	1,3	1,2	1,2	1,0	

STT	Tuyến đường: Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
5	Từ ngã 3 nhà ông Tòng Văn Thạch hướng đi Dòm Cang đến mốc D7 (ngã tư đi UBND huyện) hai bên đường.	2,0					
6	Từ ngã tư D7 đến hết đất Trạm y tế xã Sốp Cộp hướng đường cũ đi Dòm Cang hai bên đường	1,2	1,2	1,1	1,1	1,0	
7	Từ Trạm y tế xã Sốp Cộp (theo đường cũ đi Dòm Cang) đến hết đất nhà ông Trần Văn Hiện hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,0	
8	Từ D7 đường 30 mét (hướng đi UBND huyện) đến D1 hai bên đường	1,2	1,2	1,1	1,1	1,0	
9	Từ cầu sắt Nậm Lạnh (hướng đi Sông Mã) đến cây xăng 326 hai bên đường	1,2	1,2	1,2	1,2	1,0	
10	Từ cây xăng 326 (hướng đi Sông Mã) đến đầu cầu Nậm Ca hai bên đường	1,3	1,3	1,2	1,2	1,0	
11	Từ cầu Nậm Ca đến hết đất trụ sở Lâm trường hai bên đường	1,3	1,3	1,2	1,2	1,0	
12	Từ ngã ba cầu Nậm Ca (trụ sở Đội quản lý đô thị) rẽ phải đến hết đất Bệnh viện mới, hai bên đường	1,2	1,2	1,1	1,1	1,0	
13	Từ ngã ba bệnh viện đến hết đất nhà ông Lò Văn Năng (từ mét 0 đến 170m) hướng đi Muồng Và hai bên đường.	1,3	1,3	1,2	1,2	1,0	
14	Từ trụ sở UBND xã Sốp Cộp (cũ) đến giáp đất Ngân hàng chính sách xã hội huyện, hai bên đường (đường bản)	1,3	1,3	1,2	1,2	1,0	
15	Từ mét 21 (đất nhà ông Vi Văn Nghịch) theo đường quy hoạch từ D46C - D84 hai bên đường	1,2	1,2	1,2	1,2	1,0	
16	Từ D3 hướng đường đi Nà Phe đến D61 phía bên phải đường	1,3	1,3	1,2	1,2	1,0	
17	Từ D3 đến D59 (phía bên trái đường xuống Nà Phe)	1,6					
18	Từ mét 25 hết thửa đất số 9 (D43) đường 15m đến hết mét 50 (D42) hai bên đường	1,0					
19	Từ D2 Ban quản lý dự án đường quy hoạch 9,5m hướng đi D42	1,0					
20	Từ hết đất nhà ông Quảng Văn Phụng đến ranh giới đất nhà ông Vi Văn Hồng, phía bên phải đường	1,3	1,3	1,2	1,2	1,0	
21	Từ hết đất nhà ông Lò Văn Thoát đến hết đất nhà ông Lương Văn Bình D77 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
22	Từ D3 ngã tư Kho Bạc đến D28 (cạnh Trường	1,3	1,3	1,2	1,2	1,0	
23	Từ D43 đi D48 (mét 0 đất ông Vi Văn Thanh đến hết đất Trường Mầm non Hoa Phụng Đỏ) hai bên đường	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
24	Từ mét 20 D16 đi D18 đến hết đất nhà bà Tống Thị E hai bên đường	1,3	1,3	1,2	1,2	1,2	
25	Từ mét 20 D16 đi D15 (từ đất Ngân hàng An Bình đến D15), hai bên đường	1,6	1,6				
26	Từ mét 0 đất nhà bà Phạm Thị Thủy đến nhà công vụ Chi cục thi hành án (khu mốc D15-D16 đường 5m) phía bên phải	1,6					
27	Từ D9 đầu cầu cứng qua suối Nậm Lạnh đến ngã ba đường cũ, mới (cây xăng 326) hai bên đường	1,0	1,0				
28	Từ ngã ba nhà khách UBND huyện D26-D15-D1-D41 hướng đi Nà Phe, hai bên đường	1,6	1,6	1,6	1,6	1,6	
29	Từ ngã tư D7 (cây xăng) đến mốc D8 hướng đi Sông Mã hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0		
30	Tuyến D20 đi D21 đường 9,5m khu vực lô 23, 24 giáp với lô quy hoạch số 57 phía bên trái đường	1,0					
31	Tuyến D5 đi D45 theo quy hoạch đường 9,5m (từ đất đài truyền hình đến hết đất nhà ông Quàng Văn Thịnh), phía bên trái đường	1,2	1,2	1,1	1,1	1,1	
32	Tuyến D6 đi D18; tuyến D18 đi D29 theo quy hoạch đường 9,5 m (từ giáp đất Ngân hàng chính sách đến hết đất đội Chi cục Thuế huyện; từ cây me nhà bà E đến hết đất nhà ông Tâm Phụng) hai bên đường	1,2	1,2	1,1	1,1	1,1	
33	Đường 8,5m nội bộ khu vực lô đất E1 (giáp khu nhà Ủy ban nhân dân huyện cũ)	1,0					
34	Từ hết đất nhà bà Tống Thị Ngoi đường 4m hướng đi nhà ông Lương Văn Thiêm ra đến nhà ông Trần Văn Hiện hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Đường khu tái định cư D77-D78-D79-D29-D30						
1	Từ đất nhà bà Vi Thị Lễ đến hết đất nhà ông Trần Công Lực (đường 7m đi khu dân cư) hai bên đường	1,6					
2	Từ mét 21,5 D78 đường 7 m đến mét 46 (giáp đất nhà ông Cẩm Duy Vinh) hai bên đường hướng ra đường chính đi Nậm Lạnh.	1,6					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
3	Từ mét 17,8 đất nhà ông Vì Văn Muôn đường 5 m đến mét 54,5 (giáp đất nhà ông Lò Văn Tỉnh) hướng ra đường chính đi Nậm Lạnh hai bên đường.	1,6					
4	Từ mét 15,9 đến hết đất nhà ông Tòng Văn Cường đến hết đất nhà ông Vũ Văn Đông (Hằng) bên trái đường hướng ra đường chính 21m đường đi Sốp Cộp-Nậm Lạnh	1,6					
5	Từ mét 15 hết đất nhà ông Lường Văn Bình đến nhà ông Vũ Văn Mạnh (Thêu) bên trái đường hướng ra đường chính 21m đường đi Sốp Cộp-Nậm Lạnh	1,2					
6	Từ đất nhà ông Lò Văn Thoát đến hết đất nhà ông Lường Văn Bình (D78 đi D77) đường 7m hai bên đường	1,2					
III	Đường khu tái định cư D18-D19-D78-D79						
1	Từ hết đất nhà ông Trần Công Lực mét 16,3 (D78) phía bên phải đến mét 50,5 đến hết đất nhà bà Ngô Thị Yên (hướng D18).	1,6					
2	Từ hết đất nhà ông Phan Chính Thân mét 18,4 (D19) phía bên trái đường đến mét 60 đến hết đất nhà ông Tòng Văn San (hướng D18) .	1,6					
3	Từ hết đất nhà bà Tòng Thị Ninh mét 17 (đường lô 5 mét) đến mét 45 giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Trường hai bên đường.	1,6					
IV	Các tuyến đường khu tái định cư Nà Phe						
1	Từ ngã tư nhà ông Vũ Văn Quang (Kiều) đến hết đất nhà ông Vũ Văn Quân (Nhàn) hai bên đường	2,2					
2	Từ ngã tư D61 đường 15m từ mét 18 đến hết mét 105 nhà ông Đỗ Văn Thiết đến hết đất nhà ông Bùi Văn Quang (Trang) hướng đi Trung tâm giáo dục thường xuyên hai bên đường.	2,2					
3	Từ đất nhà ông Hà Văn Dần đến hết đất nhà ông Nguyễn Thanh Hải hướng đi Trung tâm giáo dục thường xuyên hai bên đường	2,2					
4	Từ đất nhà ông Trần Danh Khiêm đến hết đất nhà ông Chu Văn Hưng hướng đi Trung tâm giáo dục thường xuyên hai bên đường	2,2					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
5	Từ đất nhà ông Quảng Văn Soạn đến hết đất nhà ông Vi Văn Ngọc đường 9,5m hướng đi khu dân cư hai bên đường	2,2					
6	Từ đất nhà bà Hoàng Thị Chính đến D63 đường 9,5m hai bên đường	2,2					
7	Từ đất nhà ông Lò Văn Triễn đến hết đất nhà bà Lò Thị Kim đường 9,5m hướng đi khu dân cư bên phải đường	2,2					
8	Từ đất nhà ông Lò Văn Hoi đến hết đất nhà ông Nguyễn Thành Trung (Nga) hướng đi D60 bên trái đường	2,2					
9	Từ mét 20,5 (D59) hướng đi D58 (phía bên trái đường lô quy hoạch 9,5 m)	2,2					
10	Từ D60 đường 15m hướng đi D38 (hai bên đường)	2,2	2,2	2,0	2,0	2,0	
11	Từ D37-D38 (khu trường nội trú), hai bên đường	2,2	2,2	2,0	2,0	2,0	
12	Từ đất nhà ông Hà Huy Thắng đến hết đất nhà ông Vàng A Hù (khu vực mốc D60-D38, đường quy hoạch 10m), hai bên đường	2,2					
13	Từ nhà ông Ngô Xuân Trình đến hết đất nhà bà Hà Thanh Hoa (khu mốc D60-D38, đường quy hoạch 7m), hai bên đường	2,2					
V	Các tuyến đường khu vực lô 57						
1	Từ D8-D9 (đầu cầu cứng qua suối Nậm Lạnh) hướng đi Sông Mã, phía bên phải đường	3,0					
2	Từ D8-D20 đường 21m (tính từ mét 35,8 ranh giới giữa thửa đất số 1 và thửa số 33) phía bên trái đường	4,0					
3	Từ D9-D21 đường 9,5m (tính từ mét 35,8 ranh giới giữa thửa đất số 18 và thửa số 19) phía bên trái đường	4,0					
4	Đường quy hoạch 10,5m từ mét 20 đến mét 50 (tính từ ngã ba đường trên trục D8-D20 vào hướng ra đường D9-D21) hai bên đường	4,0					
5	Các tuyến đường quy hoạch lô số 23,34 áp dụng theo giá tương ứng giá các đoạn từ D8 - D20, D9 - D21 và giá đường quy hoạch 10,5mét nêu trên	1,0					
6	Từ D20-D31 đường 11m phía bên phải đường (đối diện cổng chính chợ mới)	1,0					

STT	Tuyến đường, Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
7	Tuyến D20 đi D81, D81' đường 9,5m (từ mét thứ 6 đến hết mét thứ 85) phía bên trái đường (đối diện cổng phụ chợ mới)	1,0					
VI	Các đoạn đường ven trung tâm xã Sốp Cộp						
1	Từ cổng qua đường đi M.Và khu bản Nà Dì (từ mét 0 đến hết mét 450 ao nhà ông Tông Văn Dịn đến hết nhà ông Vi Văn Pành, hai bên đường).	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	
2	Từ cầu Nậm Ban đất Nhà ông Lò Văn Tinh đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành đường đi Dồm Cang, hai bên đường.	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	
3	Từ nhà Ông Nguyễn Văn Mạnh đến đội sản xuất số 4 hướng đi Nà Sài hai bên đường	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	
4	Từ nhà ông Lò Văn Thành (bản Co Pồng) đến hết nhà ông Tông Văn Dũng hướng đi bản Nà Lốc hai bên đường	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	
5	Từ nhà ông Lương Văn Xuân đến hết đất nhà ông Tông Văn Thiên hướng đi bản Nà Lốc hai bên đường	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	
6	Từ nhà ông Tông Văn Đại (bản Ban) đến hết đất nhà văn hóa bản Nà Nó hai bên đường	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	
7	Từ đất nhà bà Lò Thị Thom (bản Ban) đến đất nhà ông Vi Văn Diên (bản Pe) hướng đi bản Huổi Pe, bản Pe hai bên đường	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	
8	Các đoạn còn lại xe con, xe công nông vào được hai bên đường.	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Từ mốc D8 đến hết cầu Nậm Ban phía bên trái đường	1,0					
10	Đường từ ngã 3 Công an huyện Sốp Cộp đi Co Pồng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Đường từ ngã 3 Cầu sắt Nậm Lạnh đi Co Pồng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
12	Đường từ bản Co Pồng xã Sốp Cộp đi bản Sôm Pói xã Mường Và	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Xã Mường Và						
1	Từ cổng qua đường (giáp nhà ông Lương Xuân Thiêm) đến ngã ba Nậm Lạnh đi 200m hướng đi xã Nậm Lạnh	1,2	1,2	1,1	1,1	1,1	
2	Từ ngã ba Nậm Lạnh đến hết đất trường cấp I+II hai bên đường	1,2	1,2	1,1	1,1	1,1	
VIII	Xã Mường Lạn						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
1	Từ đầu cầu treo đi 200m (về xã Mường Vá) đến hết trụ sở UBND xã hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất trụ sở UBND xã đến ngã ba đi bản Cống, Nà Khi đến hết đất nhà ông Lò Văn Tuấn (Chủ tịch UBND xã) hướng bản Cống và 500m hướng đi Nà Khi hai bên đường	1,3	1,3	1,1	1,0	1,0	
3	Từ cây xăng xã Mường Lạn đến đầu cầu cứng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
IX	Xã Púng Bính						
1	Từ nhà ông Lò Văn Xuân đến quán ông Tòng Văn Doãn hai bên đường.	1,2	1,2	1,1	1,1	1,1	
2	Từ quán nhà ông Quảng Văn Thịch đến hết trường tiểu học Huổi Hay hai bên đường.	1,2	1,2	1,2	1,2	1,1	
3	Từ nhà ông Tòng Văn Hiêng (bản Liêng) đến hết đất quán ông Lò Văn Phồng (bản Cọ) hai bên đường.	1,2	1,2	1,2	1,2	1,0	
XI	Đường khu vực mốc D7-D8-D20-D20'-D19 (khu vực chợ cũ)						
	Đường Quy hoạch rộng 12m (từ mét thứ 16,56 nhà ông Nguyễn Huy Trung đến hết đất nhà ông Lò Văn Chiêu) hai bên đường	1,0					
	Tuyến D19 đi D20' (từ mét 17,42 hết đất nhà bà Lương Thị Nụ đến hết đất nhà ông Đào Văn Cường) phía bên trái đường	1,0					
XII	Xã Dồm Cang (theo trục đường 105)						
	Từ ngã ba đường rẽ đi bản Nà Khá đến đầu cầu cứng hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Từ cầu cứng đường vào UBND xã đến trường mầm non bản Cang hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Từ trường mầm non bản Cang đến hết đất bản Cang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIII	Các xã, các bản còn lại	1,2	1,2	1,2			
K	HUYỆN THUẬN CHÂU						
1	Đất trung tâm cụm xã, trung tâm xã về các hướng 100m (chưa nêu ở Bảng 6)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	
L	HUYỆN VĂN HỒ						
I	Quốc lộ 6 hướng đi Sơn La						
1	Từ giáp địa phận tỉnh Hoà Bình theo hướng đi Sơn La đến Km 170 + 400m (hết đất nhà ông Tráng A Sính)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ Km 170 + 400m (hết đất nhà ông Tráng A Sính) đến Km 173 + 400m (hết đất khu dân cư bản Bó Nhàng)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
3	Từ Km 173 + 400m (hết đất khu dân cư bản Bó Nhàng) đến Km 176+ 800m (đường rẽ vào bản Chiềng Đi I)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ Km 176 + 800m (đường rẽ vào bản Chiềng Đi I) đến giáp đất thị trấn Nông trường Mộc Châu	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Quốc lộ 43						
1	Từ giáp đất xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu đến giáp đất xã Hua Păng, huyện Mộc Châu	1,2	1,0				
III	Tỉnh lộ 101						
1	Từ Quốc Lộ 6 đến tỉnh lộ 101A	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ tỉnh lộ 101A đến hết đất quy hoạch bệnh viện huyện Vân Hồ	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết đất quy hoạch bệnh viện đến ngã ba bản Đoàn Kết, xã Chiềng Khoa cách 20m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba bản Đoàn Kết cách 20m đến ngã ba đi xã Mường Men + 100m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ ngoài phạm vi ngã ba đi Mường Men +100m đến đỉnh dốc 3 tầng (biển Pano tuyên truyền về môi trường)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ đỉnh dốc 3 tầng (biển Pano tuyên truyền về môi trường) đến nhà bia tưởng niệm xã Tô Múa (trung tâm xã Tô Múa)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ nhà bia tưởng niệm xã Tô Múa đến chợ Hang Miếng	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
IV	Tỉnh lộ 101A						
1	Từ giáp đất Thị trấn Nông trường huyện Mộc Châu đến cách cổng chào tiểu khu Sao Đỏ + 100m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ cách cổng chào tiểu khu Sao Đỏ + 100m đến trung tâm trụ sở UBND xã Vân Hồ +300m (trung tâm xã Vân Hồ)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ phạm vi ngoài 300m Trung tâm trụ sở UBND xã Vân Hồ đến đường Quốc lộ 6 (ngã ba bản Lóng Luông)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Tỉnh lộ 102						
1	Từ ngã tư bản Bó Nhàng, xã Vân Hồ (QL 6) theo hướng đi xã Xuân Nha đến hết khu dân cư bản Bó Nhàng II (chân dốc)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất khu dân cư bản Bó Nhàng II (chân dốc đá) đến giáp đất trường THCS xã Chiềng Xuân	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
3	Từ đường THQS xã Chiềng Xuân đến đầu cầu bản Suối Quanh (Trung tâm xã Chiềng Xuân)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ đầu cầu Suối Quanh đến giáp đất xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Quốc Lộ 6 hướng đi xã Pa Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình						
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 (bản Co Chàm, xã Lóng Luông) đến hết đất xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Quốc 43 đi trung tâm xã Chiềng Khoa						
1	Từ Quốc lộ 43 đến cổng nhà máy chè Đại Thành	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ cổng nhà máy chè Đại Thành đến ngã ba bản Đoàn Kết	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
VIII	Tỉnh lộ 101 đi trung tâm xã Suối Bàng						
	Từ ngã ba tỉnh lộ 101 hướng đi bản Liên Hưng + 100m						
1	Từ đường tỉnh lộ 101 đến cổng nhà máy chè Tô Múa	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ cổng nhà máy chè Tô Múa đến hết đất khu dân cư bản Liên Hưng	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết đất khu dân cư bản Liên Hưng xã Tô Múa đến cách trung tâm trụ sở UBND xã Suối Bàng 200m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ Trung tâm trụ sở UBND xã Suối Bàng về mỗi hướng 200m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ cách Trung tâm trụ sở UBND xã Suối Bàng 200m đến Bến Lồi	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
IX	Tỉnh lộ 101 đi xã Liên Hòa						
1	Từ tỉnh lộ 101 đến cầu Song Khũa	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ cầu Song Khũa đến ngã ba đường rẽ đi Liên Hòa (Trụ sở UBND xã Song Khũa) cách 100 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ Trung tâm Trụ sở UBND xã Song Khũa về ba hướng 100m (ngã ba; Trung tâm xã Song Khũa)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
4	Từ cách Trung tâm trụ sở UBND xã Song Khùa 100m đến cách Trung tâm trụ sở UBND xã Liên Hòa 200m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ Trung tâm trụ sở UBND xã Liên Hòa cách 200m về hai hướng (Trung tâm xã Liên Hòa)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ trung tâm UBND xã Liên Hòa + 200m đến hết đường nhựa	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
X	Đường tỉnh lộ 101 đi xã Mường Men						
1	Từ ngã ba đi xã Mường Men + 100 m đến cách trung tâm xã Mường Men 200 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ trung tâm trụ sở UBND xã Mường Men đi các hướng 200 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
XI	Đường 102 đi xã Tân Xuân						
1	Từ tỉnh lộ 102 đến cách trung tâm trụ sở UBND xã Xuân Nha 100m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ cách trung tâm Trụ sở UBND xã Xuân Nha 100m đến hết đất khu dân cư bản Tun + 100m (trung tâm xã Xuân Nha)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngoài phạm vi ngã ba bản Tun +100m đến cầu Tân Xuân	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ cầu Tân Xuân đến hết trường mầm non Tân Xuân (Trung tâm xã Tân Xuân)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ hết đất Trường Mầm non xã Tân Xuân hướng đi bản Cột Mốc đến hết đường bê tông	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ đầu cầu Tân Xuân hướng đi huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
XII	Xã Chiềng Yên						
1	Từ QL6 mới đến đường QL6 cũ (qua bản Nà Bai)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Trung tâm Trường THCS xã Chiềng Yên về 2 phía 100m (QL6 cũ)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Trung tâm trụ sở UBND xã Chiềng Yên về 2 phía 100m (QL6 cũ, trung tâm xã Chiềng Yên)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Các đoạn đường khác thuộc QL6 cũ	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường du lịch xã Chiềng Yên (đi bản Phụ Mẫu)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIII	Đường nội thị trong khu trung tâm hành chính - chính trị huyện Vân Hồ						
1	Đường đôi 31,5m (mặt cắt 2-2)	5,0	6,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
2	Đường 23,5m (mặt cắt 3-3)	5,0	6,0				
3	Đường 16,5m (mặt cắt 4-4)	5,0	5,0				
4	Đường 13,5m (mặt cắt 5-5)	4,0	3,3				
5	Đường 11,5m (mặt cắt 6-6)	5,0	3,3				
6	Các tuyến đường hiện trạng khi chưa xây dựng mới theo quy hoạch trung tâm hành chính - chính trị huyện Vân Hồ tại các tiểu khu Sao Đỏ 1, Sao Đỏ 2 và bản Suối Lìn	5,0	3,3	1,2	1,2	1,2	
XIV	Các loại đường khác ở các xã xe tải nhỏ đi được đã được cứng hóa	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
PHẦN III. ĐẤT Ở CÁC XÃ THUỘC VÙNG NÔNG THÔN VÀ CÁC BẢN THUỘC PHƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ CÓ ĐIỀU KIỆN NHƯ NÔNG THÔN (trừ đất ven trục đường giao thông, cụm xã, trung tâm các xã đã ghi tại điểm I+II)							
I	Đất ở thuộc địa bàn các xã của các huyện, thành phố						
1	Vị trí 1	1,0					
2	Vị trí 2	1,0					
3	Vị trí 3	1,0					
II	Đất ở thuộc các bản tại các phường của thành phố có điều kiện như nông thôn						
1	Vị trí 1	1,2					
2	Vị trí 2	1,2					



BẢNG 02 - HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06/2019/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
A	THÀNH PHỐ SƠN LA						
I	Các ngã ba, ngã tư						
1	Ngã tư Cầu Trắng						
	Từ trung tâm đi: Hướng đi đường Chu Văn Thịnh đến hết Ngân hàng Nông nghiệp; Hướng đi đường Nguyễn Lương Bằng đến ngõ số 4 (hết nhà số 46 đường Nguyễn Lương Bằng); Hướng đi đường Điện Biên đến Cầu Trắng; Hướng đi đường Trường Chinh đến hết nhà số 47 đường Trường Chinh (ngõ rẽ số 3)	2,1	1,7	1,3	2,1	2,2	
2	Ngã ba Tô Hiệu						
	Từ trung tâm đi: Đường Điện Biên hướng đi Hà Nội đến cầu Trắng; Đường Điện Biên hướng đi Điện Biên đến hết Bảo hiểm Viễn Đông; Đường Tô Hiệu đến hết Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp.	2,2	2,1	1,3	2,0	2,2	
3	Ngã tư đường Nguyễn Lương Bằng giao với đường 3/2 (Ngã tư chợ 7/11)						
	Từ trung tâm đi: Đường 3/2 hướng đi đến Công ty Điện Lực Sơn La đến ngõ số 02 (hết nhà số 136 đường 3/2); Đường 3/2 hướng đi đường Trường Chinh đến phố Mai Đắc Bản; Đường Nguyễn Lương Bằng hướng đi ngã ba Quyết Thắng đến ngõ số 14 (hết nhà số 168 đường Nguyễn Lương Bằng); Đường Nguyễn Lương Bằng hướng đi ngã tư Cầu Trắng đến phố Giảng Lắc.	2,3	2,2	1,4	2,0	2,2	
4	Ngã tư Quyết Thắng						
	Từ trung tâm đi: Hướng đi đường Nguyễn Lương Bằng đến đường rẽ vào Đài truyền hình Sơn La; Hướng đi đường Trần Đăng Ninh đến ngõ số 07 (đường rẽ vào Tiểu đoàn 1 (K4)); Hướng đi đường Trường Chinh đến Chi cục quản lý thị trường (hết nhà số 177 đường Trường Chinh)	2,3	2,2	1,4	2,0	2,2	
5	Ngã tư Công an thành phố (ngã tư Bưu điện Chiềng Lề cũ)						

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Từ trung tâm đi: Hướng đi đường Chu Văn Thỉnh đến cầu Nam La; Hướng đi đường Hoa Ban đến UBND thành phố; Hướng đi đường Lò Văn Giá đến đường rẽ vào nhà văn hóa tổ 2 phường Chiềng Lè; Hướng đi đường Tô Hiệu đến số nhà 183 (ngõ rẽ từ đường Tô Hiệu đến đường Lê Thái Tông).	2,3	2,5	1,6	2,1	2,2	
6	Ngã tư đường Tô Hiệu giao với đường cách mạng tháng 8 (ngã tư Công an phòng cháy chữa cháy)						
	Từ trung tâm đi: Hướng đi ngã tư Công an thành phố đến ngõ số 05 Tô Hiệu (giáp Rạp hát Suối Reo); Hướng đi ngã tư Tô Hiệu đến hết Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; Hướng đi đường Cách mạng tháng 8 đến Ngõ vào Chiềng Vàng II (đến hết số nhà 57 Cách mạng tháng 8).	2,3	2,2	1,6	2,1	2,2	
II	Các ngã ba, ngã tư (phạm vi 250m tính từ trung tâm đi các hướng)						
1	Ngã ba đường Lê Duẩn giao với đường Hùng Vương (ngã ba Trại trẻ mồ côi cũ)	1,9	1,8	1,4	3,0	2,2	
2	Ngã ba đường Hùng Vương giao với đường đi Sông Mã (ngã ba Mai Sơn)	2,0	2,1	1,1	1,3	1,3	
3	Ngã tư đường Hùng Vương giao với đường Lê Quý Đôn (ngã tư Ngân hàng Chiềng Sinh cũ)	2,0	2,1	1,1	1,3	1,3	
4	Ngã ba đường Lê Duẩn giao với đường Lê Trọng Tấn (khu Nông Đúc Chiềng Sinh)	2,0	2,4	1,3	1,5	1,3	
5	Ngã tư đường Lê Duẩn giao với đường Trần Phú (ngã tư cơ khí mới)	4,0	4,0	1,5	2,0	1,6	
6	Ngã ba đường Lê Duẩn giao với đường Lê Quý Đôn (bản Càng Chiềng Sinh)	4,0	4,0	1,5	2,0	1,6	
7	Từ trung tâm ngã ba đường rẽ vào Trường Chính trị tỉnh Sơn La (chợ Công ty cấp 2) hai hướng Sơn La - Hà Nội 150 m	1,8	2,2	1,4	2,0	1,3	
III	Các tuyến đường (trừ các điểm ghi tại Mục I, II)						
1	Đường Tô Hiệu						
	Từ ngã ba Tô Hiệu đến ngã tư Công an thành phố (ngã tư bưu điện Chiềng Lè cũ)	2,0	2,1	1,4	3,0	1,4	
2	Đường Lò Văn Giá						
	Từ ngã tư Công an thành phố (ngã tư bưu điện Chiềng Lè cũ) đến hết Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	2,0	2,0	2,0	2,0	1,4	
	Từ hết Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La đến đầu cầu bản Cá.	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
3	Đường Chu Văn Thỉnh						

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Từ cầu Trắng đến ngã ba rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo (đường Thanh Niên)	2,4	2,5	2,0	3,3	1,4	
	Từ ngã ba rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo (đường Thanh Niên) đến cầu Nậm La	2,2	2,0	1,3	2,1	1,0	
4	Đường Trường Chinh						
	Từ ngã tư Cầu Trắng đến đầu Đường Hoàng Quốc Việt"	2,1	2,0	1,6	2,0	2,0	
	Từ phố Giảng Lắc đến ngã ba Quyết Thắng	2,1	1,7	1,6	2,0	2,0	
5	Đường Trần Đăng Ninh						
	Từ ngã ba Quyết Thắng đến hết trụ sở UBND phường Quyết Tâm	2,4	2,3	2,1	2,4	1,9	
	Từ hết Trụ sở UBND phường Quyết Tâm đến hết đường Trần Đăng Ninh (đến ngã ba đường vào Trường Đại học Tây Bắc) trừ các điểm đã ghi ở phần II mục 7	2,4	1,6	2,1	2,4	1,9	
6	Đường Lê Duẩn						
	Từ công Bến xe đi hai hướng Sơn La - Hà Nội 150 m	1,8	1,8	1,8	2,5	2,0	
	Từ ngã ba đường vào Trường Đại học Tây Bắc đến hết Viện quân y 6 (trừ khu vực công Bến xe đi 2 hướng 150 m)	2,2	2,0	1,9	2,0	1,9	
	Từ hết Viện Quân y 6 đến hết đất Trường Trung học cơ sở Chiềng Sinh	1,6	2,0	2,0	2,0	2,0	
	Từ hết đất Trường trung học cơ sở Chiềng Sinh đến ngã ba đường Lê Duẩn giao với đường Hùng Vương	1,6	3,5	2,5	2,0	2,0	
	Từ ngã ba đường Lê Duẩn giao đường Hùng Vương (Trại Trẻ mồ côi cũ) đến hết địa phận thành phố (đến ngã ba Chiềng Sinh mới)	2,4	1,9	1,5	1,5	1,5	
7	Đường Nguyễn Lương Bằng						
	Từ ngã tư Cầu Trắng đến ngã tư đường Nguyễn Lương Bằng giao với đường 3/2 (ngã tư chợ 7/11)	2,1	2,0	1,8	1,6	1,4	
	Từ ngã tư đường Nguyễn Lương Bằng giao với đường 3/2 (ngã tư chợ 7/11) đến ngã tư Quyết Thắng".	2,1	2,0	1,7	2,0	1,6	
8	Đường 3/2						
	Từ đường Trường Chinh (Quốc lộ 6) đến ngã tư đường Nguyễn Lương Bằng giao với đường 3/2 (ngã tư chợ 7/11)	2,1	2,0	1,7	1,7	1,4	
	Từ ngã tư đường Nguyễn Lương Bằng giao với đường 3/2 (ngã tư chợ 7/11) đến trung tâm ngã ba Điện lực	2,4	2,4	1,7	1,5	1,3	
9	Phố Giảng Lắc						

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Đường ngang từ đường Trường Chinh sang đường Nguyễn Lương Bằng (đến hết UBND phường Quyết Thắng cũ)	2,0	1,8	2,2	1,8	1,4	
10	Đường Điện Biên						
	Từ ngã ba Tô Hiệu đến hết đất trụ sở Đội thuế phường Tô Hiệu (Trừ phạm vi ngã ba Tô Hiệu đến hết bảo hiểm Viễn Đông)	2,3	2,2	2,0	2,3	1,6	
	Từ hết đất trụ sở Đội thuế phường Tô Hiệu đến hết số nhà 185 (quán Dimah 185)	2,2	2,1	1,8	2,1	1,6	
	Từ hết quán Dimah 185 đến hết ngã ba Khí tượng (ngã ba Két nước)	2,3	2,3	2,5	2,6	1,6	
	Từ ngã ba Két nước (Khí tượng) đến hết số nhà 158 (giáp vườn hoa Tổ 10, phường Chiềng Lề)	3,3	2,0	1,0	1,6	1,4	
	Từ giáp số nhà 158 đến biển báo hiệu hết địa phận thành phố (giáp ranh Thuận Châu)	3,6	2,0	1,3	1,8	1,4	
11	Đường Nguyễn Văn Linh						
	Từ Đội thuế phường Tô Hiệu đến công tỉnh uỷ	2,1	2,0	2,0	2,1	1,5	
	Từ công tỉnh uỷ đến hết cống thoát nước Nà Coóng	1,7	1,9	1,7	1,5	1,5	
12	Đường Cách mạng tháng 8						
	Từ Công an phòng cháy đến đường Chu Văn Thịnh	2,1	2,0	1,8	2,3	1,4	
13	Đường Thanh Niên						
	Từ đường Chu Văn Thịnh đến hết cổng Sở Giáo dục và Đào tạo	2,0	1,6	1,0	2,0	1,4	
	Từ hết cổng Sở Giáo dục và Đào tạo qua hết Trường THPT Tô Hiệu đến Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề	1,4	1,5	1,3	1,3	1,6	
	Đường Chu Văn Thịnh trừ 20m đến cổng trường Mẫu giáo tư thục Ban Mai (đường bản Hẹ)	1,7	1,5	1,5	1,5	1,5	
	Các nhánh đường thuộc quy hoạch đường Thanh niên và Chợ Trung tâm	1,6	1,9	1,9	1,5	1,5	
14	Phố Hai Bà Trưng						
	Đường từ Phố Giảng Lắc sang đường 3/2"	2,4	2,0	2,2	2,0	1,6	
15	Đường Lê Đức Thọ						
	Từ ngã ba Sở Điện lực tỉnh đến hết UBND Phường Quyết Thắng"	2,2	2,0	2,1	2,0	2,0	
	Từ hết UBND Phường Quyết Thắng đến hết dốc đá Huổi Hin"	2,3	1,0	1,0	1,4	1,4	
16	Đường Hoàng Quốc Việt (đường vào UBND phường Chiềng Cơi)						
	Từ đường Trường Chinh đến ngã tư bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi	2,1	2,0	3,8	4,0	1,6	
17	Đường Lê Thái Tông						

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Từ đường Lò Văn Giá trừ 20m (Được phẩm) đến hết đường Lê Thái Tông	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
	Các đường nhánh từ đường Lê Thái Tông sang đường Lò Văn Giá và đường Tô Hiệu (thuộc địa phận tổ 2, tổ 7 phường Chiềng Lề)	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
18	Phố Xuân Thuỷ						
	Đường xung quanh chợ Rạng Téch vào đến hết sân vận động thành phố	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
	Từ cuối sân vận động thành phố đến hết tuyến	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
19	Đường Hoàng Văn Thụ						
	Từ trung tâm ngã ba đường rẽ vào Trường Chính trị tỉnh Sơn La (Trung tâm tổ chức sự kiện) đến ngã ba Trường Mầm non Bế Văn Đàn	2,0	1,9	2,1	2,2	1,3	
	Từ ngã 3 Trường mầm non Bế Văn Đàn đến hết Trường Chính trị tỉnh	2,2	2,2	2,2	2,2	2,2	
	Từ hết trường Chính trị tỉnh đến ngã ba rẽ vào bản Nam	2,2	2,2	2,2	2,2	2,2	
20	Phố Lê Lợi						
	Từ đường Chu Văn Thịnh (qua siêu thị Hapro mart) đến hết nhà Văn hóa tổ 15 - Phường Quyết Thắng	2,3	2,2	1,8	2,0	1,9	
21	Đường Nguyễn Trãi						
	Đường từ cây xăng Tỉnh đội đến số nhà 79 - đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc)	1,5	2,0	2,0	2,0	2,0	
	Đường số nhà 79 - đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc) đến hết trường Tiểu học Quyết Thắng"	2,0	1,7	2,0	2,3	2,0	
	Từ hết trường Tiểu học Quyết Thắng đến bãi đá bản Cọ - Chiềng An"	2,9	1,8	2,0	2,3	1,9	
22	Phố Ngô Quyền						
	Đường Chu Văn Thịnh đến đường Tô Hiệu (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - đường cầu treo dây văng)	2,1	2,1	2,1	1,9	1,8	
23	Đường Chu Văn An						
	Từ đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến ngã ba Trường Đại học Tây Bắc	1,8	2,6	2,0	2,0	1,8	
	Từ đường Trần Đăng Ninh (đối diện Nhà văn hóa tổ 3 phường Quyết Tâm) đến ngã ba đường quy hoạch vào Trường đại học Tây Bắc	2,2	2,5	2,0	2,0	1,5	
24	Đường Trần Phú						
	Từ ngã tư cơ khí đi hết địa phận phường Chiềng Sinh theo hướng đi Ca Láp - Chiềng Ngần đến giữa dốc	2,7	2,0	1,7	1,4	1,5	
25	Đường Lê Trọng Tấn						

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Ngã ba Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến chân dốc Nông Đức (đến hết khu quy hoạch dân cư TĐC)"	2,2	2,5	1,8	1,0	1,0	
26	Đường Nguyễn Văn Cừ						
	Từ dốc đá Huồi Hín đến đường rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Ngần A (bản Híp)	1,5	1,3	1,2	1,0	1,1	
27	Đường Nguyễn Du						
	Từ ngã ba Lê Đức Thọ tổ 11 đến hết Công ty cổ phần in và bao bì Sơn La	2,0	1,5	1,5	1,5	1,5	
28	Đường Khau Cỏ						
	Từ ngã tư gốc phượng đến hết tuyến đường (giao với đường Điện Biên)	1,7	2,1	1,9	1,7	1,8	
	Đường từ ngã ba Két nước đến hết Khách sạn Hoa Đào (đường Sông Đà)	3,3	1,4	1,5	1,5	1,5	
29	Đường Nguyễn Thị Minh Khai						
	Từ ngã 3 Trường mầm non Bế Văn Đàn đến ngã ba Nhà máy bia Sông Đà	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
30	Phố Trần Hưng Đạo + Phố Lý Tự Trọng						
	Phố Trần Hưng Đạo + Phố Lý Tự Trọng"	2,1	2,1	2,1	2,0	2,0	
31	Đường Nguyễn Chí Thanh						
	Từ đường Trần Đăng Ninh (Quốc lộ 6) vào trường Tiểu học Quyết Tâm	2,5	2,5	2,3	2,5	1,7	
32	Phố Mai Đắc Bân						
	Đường Nguyễn Lương Bằng - Đường 3/2 (lối đi qua Đảng uỷ khối Doanh nghiệp)	2,2	2,1	2,0	2,0	1,8	
33	Đường Hùng Vương (Quốc Lộ 6 cũ)						
	Từ ngã ba đường Lê Duẩn rẽ đường Hùng Vương (Trại trẻ mồ côi cũ) đến hết địa phận thành phố Sơn La	3,2	1,9	2,0	2,0	1,9	
34	Đường Lê Thanh Nghị						
	Từ ngã 3 đường Biện Biên (Quốc lộ 6) vào đến hết Trường mầm non Tô Hiệu	1,8	1,5	1,5	1,4	1,6	
	Từ hết Trường mầm non Tô Hiệu đến đường Điện Biên số nhà 175 - Đường Điện Biên (quán Thế kỷ mới)"	1,8	1,4	1,5	1,4	1,6	
35	Đường Ngô Gia Khảm						
	Từ cổng bản cá đường rẽ vào bản Cá đến hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (đường Quốc lộ 279D)	2,0	1,7	1,3	2,0	1,6	
	Từ hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (đường Quốc lộ 279D) đến hết cầu bản Panh (đường Quốc lộ 279D)"	2,0	2,0	1,3	2,0	1,6	
	Từ hết cầu bản Panh đến chân dốc Cao Pha (đường Quốc lộ 279D)"	2,0	2,0	1,3	1,9	1,6	
36	Từ đường Lò Văn Giá đến cổng Nhà máy Nước	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
37	Đường Văn Tiên Dũng Từ hết công thoát nước Nà Coóng đến suối nước nóng	2,2	2,1	2,0	1,8	1,9	
IV	Tuyến đường Chiềng Sinh						
1	Đường Lê Quý Đôn (đường 4G) (từ đường Lê Duẩn - Quốc lộ 6 mới đến đường Hùng Vương trừ 250m - Quốc lộ 6 cũ)	3,5	3,1	1,5	2,2	2,1	
2	Từ đường Lê Duẩn đến cổng Nhà máy Xi măng	2,4	3,1	1,6	2,0	1,8	
3	Từ đường Lê Duẩn đến cổng Nhà máy gạch Tuynel	2,4	3,1	1,6	2,0	1,8	
4	Đất trong phạm vi Nhà máy gạch Tuynel và Nhà máy Xi măng	1,1	1,0	1,0			
5	Từ hết Nhà máy gạch vào cổng Nhà máy Xi măng vào khu dân cư	2,3	2,0	2,0	2,0	2,0	
V	Các đường nhánh						
1	Đằng sau Công ty Điện lực Sơn La (từ nhà văn hóa tổ 10) đến hết khu tập thể thuê cũ.	3,1	2,0	2,0	2,0	2,0	
2	Từ đường Trần Đăng Ninh đến hết Cục Thú y	2,0	2,1	2,0	2,0	2,0	
3	Từ ngã ba trường Đại học Tây Bắc đến hết bản Dừn	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
4	Từ ngã ba trường Đại học Tây Bắc đến hết tuyến đường đi hướng hồ bản Dừn (hết đường nhựa)	1,4	2,0	2,0	2,0	2,0	
5	Từ đường Lò Văn Giá đến cầu bản Cọ	2,3	1,7	2,0	2,0		
6	Từ cầu bản Cọ đến Mỏ nước bản Cọ	1,6	2,0	2,0	1,1		
7	Từ cuối đường 13m khu quy hoạch Lam Sơn đến đường Bản Cọ	2,0	2,0	2,0	2,0		
8	Đường từ đầu cầu bản Cá (đường tỉnh lộ 106) đến cổng đường vào bản Cá	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
9	Đường hai bên chợ Trung tâm vào khu dân cư tổ 11, tổ 12 phường Chiềng Lè (hết địa phận chợ)	2,0	2,0	1,8	2,0	2,0	
10	Từ Công ty cổ phần In và bao bì Sơn La đến cổng Thao trường thành phố	2,2	2,0	2,0	2,0	2,0	
11	Các đường nhánh từ ngã ba tổ 10 phường Chiềng Lè đến hết tuyến đường	2,0	2,1	2,0	2,0	1,9	
12	Từ ngã tư bia Sông Đà đến các tuyến đường trong khu dân cư tổ 5 phường Quyết Tâm	2,0	2,1	2,0	2,0	1,9	
13	Đường Chi cục Thú y đến hết Trại lợn cũ	2,7	2,0	2,0	2,0	2,0	
14	Từ Trại lợn cũ đến hết địa phận bản Là, phường Chiềng Cơi	2,5	2,0	2,0	2,0	2,0	
15	Từ Mỏ nước bản Cọ đến bãi đá	2,3	2,0	2,0	2,0	2,0	
16	Từ ngã ba Công ty cổ phần In và bao bì Sơn La đến Trường THCS Quyết Thắng A	2,5	2,0	2,8	2,2	2,0	
17	Từ Công ty Điện lực Sơn La đến Trường Nguyễn Trãi	2,1	2,0	2,8	2,2	2,0	

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
18	Đường bản Bó từ đường Lò Văn Giá đến cổng nước bản Bó	1,9	1,9	2,0	2,0	2,0	
19	Từ cổng nước bản Bó đến hết các tuyến đường trong bản Bó	2,1	1,4	2,3	2,4	2,4	
20	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m trở lên nội thành phố (đường đổ bê tông hoặc đường trải nhựa)	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
21	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m trở lên nội thành phố (đường đất xe công nông, xe con vào được)	1,8	1,7	2,0	2,0	2,0	
22	Các đường nhánh có mặt đường rộng dưới 2,5m trở xuống nội thành phố (đường đổ bê tông hoặc đất nhựa)	1,5	1,4	1,4	1,3	1,0	
23	Các đường nhánh có mặt đường rộng dưới 2,5m trở xuống nội thành phố (đường đất)	1,1	1,5	1,4	1,5	1,0	
24	Đường từ Lê Duẩn (Quốc lộ 6) qua bản Hẹ phường Chiềng Sinh đến bản Phường, xã Chiềng Ngần (trừ điểm các điểm đã có giá)	2,0	2,1	2,0	2,0	1,9	
25	Đường từ Trần Đăng Ninh (tổ 10 phường Quyết Tâm) đi hết Tiểu khu 3, phường Chiềng Cỏi	1,3	1,3	1,4	1,5	1,0	
26	Đường chính tổ 4, phường Chiềng Cỏi	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
27	Các đường nhánh trong khu dân cư bản Cọ (đường bê tông)	1,5	1,0	1,8	1,7	1,8	
28	Các đường nhánh trong khu dân cư bản Cọ (đường đất)	1,9	2,0	2,0	2,0	1,8	
29	Từ ngã tư Mé Ban sang bản Là, phường Chiềng Cỏi	2,0	2,0	2,3	2,3	2,1	
30	Đường trong bản Bó Phứa đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0	1,0			
VI	Đường nhánh trong khu quy hoạch						
1	Khu đô thị gắn với dự án thoát lũ suối Nậm La (lô 1 + lô 2)"						
	Đường quy hoạch 31 m trở lên"	2,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 25m	2,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 20,5m	2,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 16,5m	2,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch từ 13 m đến 15 m"	2,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch từ 10 m đến dưới 13 m"	2,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 09m	2,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch từ 6 m đến 7 m"	2,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 5,5m	2,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Thêm tuyến đường: Đường quy hoạch 3,5m đến dưới 5,5m	2,4					
2	Khu quy hoạch công viên 26-10						
	Đường quy hoạch 17 m trở lên"	2,2					

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
3	Đường quy hoạch 9m	2,2					
	Khu dân cư tổ 8 phường Tô Hiệu						
	Đường quy hoạch 21m	2,0					
	Đường quy hoạch từ 11,5 m trở lên	2,0					
	Đường quy hoạch 09m	2,0					
	Đường quy hoạch 07m	2,0					
4	Đường quy hoạch 5,5m	2,0					
	Khu tái định cư 1,3 ha dân cư bản Giăng Lắc - Quyết Thắng						
	Đường quy hoạch từ 16,5 m trở lên	3,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 13 m	2,9	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch (từ 9m đến 10,5m)	3,4	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 5,5 m - 7,5 m	3,3	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Khu quy hoạch tổ 8 phường Quyết Thắng (vật liệu xây dựng I)						
	Đường quy hoạch 5,5m	2,0					
	Đường quy hoạch 4,5m	2,0					
	Đường quy hoạch 4m	2,0					
6	Khu quy hoạch chợ 7/11						
	Đường quy hoạch 4,5m	1,5					
7	Khu dân cư Tổ 8, phường Chiềng Sinh (khu quy hoạch tái định cư Noong Đức cũ)						
	Đường quy hoạch 21m trở lên	2,0					
	Đường quy hoạch từ 15,5m đến 16,5m	2,0					
	Đường quy hoạch 13,5m	2,0					
	Đường quy hoạch từ 5,0m trở lên	2,0					
8	Khu quy hoạch tổ 2 phường Chiềng Sinh						
	- Đường quy hoạch 15 m	2,0					
	- Đường quy hoạch 7,5 m	2,0					
9	Khu quy hoạch tổ 3 phường Chiềng Sinh (giáp trạm điện 110KV)						
	Đường quy hoạch 12 m trở lên	2,0					
	Đường quy hoạch 10,7m	2,0					
	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống	2,0					
10	Các đường nhánh trong khu vực dân cư có chiều rộng từ 2,5m đến 5m xe con vào được	1,9	1,9	2,0	2,0	1,8	
	Khu dân cư bản Bó Phường Chiềng An (cạnh Trụ sở Chiềng An)						
	Đường quy hoạch 10m	2,0					
	Đường quy hoạch 05m	2,0					
11	Khu tái định cư Trường Đại học Tây Bắc						
	Đường quy hoạch 30m	2,0					
	Đường quy hoạch 11m	1,8					
12	Khu quy hoạch dân cư phía Đông và Tây Nam Trung tâm Bến xe khách Sơn La						
	Đường quy hoạch 15,5m	2,5					

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Đường quy hoạch 13,5m	2,3					
	Đường quy hoạch 10,5m	2,0					
13	Khu quy hoạch dân cư bản Buồn, phường Chiềng Cơi (Doanh nghiệp Trường Sơn)						
	Đường quy hoạch 25 m	3,0					
	Đường quy hoạch 16,5m	2,2					
	Đường quy hoạch 13 m	2,1					
	Đường quy hoạch 10,5m"	2,0					
	Đường quy hoạch 9,5 m	2,0					
	Đường quy hoạch 7,5m	2,0					
14	Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng						
	Đường quy hoạch 16,5m	2,8	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 9,0m	2,8	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 7,5m	2,8	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch 6m	3,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
	Đường quy hoạch dưới 6m	3,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
15	Khu quy hoạch dân cư tổ 3 phường Chiềng Lè						
	Đường quy hoạch 10,5m	2,2					
	Đường quy hoạch từ 5m đến 7,5 m"	2,5					
16	Khu quy hoạch dân cư tổ 12 phường Chiềng Lè (khu quy hoạch Lam Sơn)						
	Đường quy hoạch 20m	2,7					
	Đường quy hoạch 12 m đến dưới 13,5m "	2,7					
	Đường quy hoạch 10 m đến dưới 12 m "	2,6					
	Đường quy hoạch 9,0m	2,6					
	Đường quy hoạch 5,5m	2,8					
17	Khu dân cư bản Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh						
	Đường quy hoạch 30m trở lên"	2,9					
	Đường quy hoạch 12 m đến 13,5 m	2,7					
	Đường quy hoạch 10,5m	2,4					
	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống	2,0					
18	Khu dân cư Ngã ba cơ khí, phường Chiềng Sinh						
	Đường quy hoạch 20,5m	2,0					
	Đường quy hoạch 10,5m	2,0					
	Đường quy hoạch 7,5m	2,0					
19	Khu dân cư tổ 3, phường Quyết Thắng (khu Tỉnh đội bàn giao)						
	Đường quy hoạch từ 07m trở lên	2,7					
	Đường quy hoạch 05m đến dưới 7m	2,4					
	Đường quy hoạch rộng từ 2,5m đến dưới 5m	2,2					

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
20	Khu dân cư tổ 2, Đại Thắng phường Quyết Tâm						
	Đường quy hoạch trên 21m	1,8					
	Đường quy hoạch trên 13,5m	1,9					
	Đường quy hoạch trên 11,5m	2,0					
	Đường quy hoạch trên 9,5m	2,1					
	Đường quy hoạch trên 7,5m	2,0	2,0	2,0			
	Đường quy hoạch 5,5m	2,7	3,0	2,5			
21	Khu dân cư trục đường Nguyễn Văn Linh (bản Châu, phường Chiềng Cơi)						
	Đường quy hoạch rộng trên 16,5m	2,0					
	Đường quy hoạch rộng 11,5m	2,0					
	Đường quy hoạch rộng 9,5m	2,0					
	Đường quy hoạch rộng 5,5m	2,0					
	Đường quy hoạch rộng dưới 5,5m	2,0					
22	Khu dân cư tổ 13, Phường Quyết Thắng (UBND Phường Quyết Thắng)"						
	Đường quy hoạch rộng 11,5m"	3,2					
	Đường quy hoạch rộng 9,0m"	3,0					
	Đường quy hoạch rộng 5,5m	2,2					
23	Khu dân cư tổ 6, Phường Quyết Tâm						
	Đường quy hoạch rộng từ 7,5m trở lên "	1,8					
	Đường quy hoạch rộng 5,5m đến dưới 7,5m	1,8					
24	Khu dân cư tổ 5, phường Chiềng Sinh						
	Đường quy hoạch rộng 13,5m	2,0					
25	Khu dân cư ngã tư Cơ khí, phường Chiềng Sinh						
	Đường quy hoạch rộng 16,5m	2,4					
	Đường quy hoạch rộng 11,5m	2,3					
	Đường quy hoạch rộng 7,5m	2,3					
	Đường quy hoạch rộng 5,5m	2,7					
	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5m đến dưới 5m (đường đổ bê tông hoặc đường nhựa dải nhựa)	2,0	2,5	2,7			
	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5m đến dưới 5m (đường đất xe công nông, xe con vào được)	1,7	2,0	2,3			
26	Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (đối diện với Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên môi trường đô thị Sơn La)						
	Đường quy hoạch từ 10,5m trở lên"	2,2					
27	Khu quy hoạch chợ, dân cư bản Hải, phường Chiềng An						

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Đường quy hoạch 20,5m	2,0					
	Đường quy hoạch 9,5m	2,0					
28	Khu quy hoạch dân cư Trung tâm hành chính – Văn hóa Phật giáo Sơn La						
	Đường quy hoạch rộng 16,5 m.	3,2					
	Đường quy hoạch rộng 9,5 m.	2,0					
	Đường quy hoạch rộng từ 7m đến 7,5 m.	2,0					
29	Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu (cạnh nhà khách UBND tỉnh)						
	Đường quy hoạch rộng từ 5,0 m đến dưới 8,5 m.	2,0					
	Đường quy hoạch rộng 4,5 m.	2,0					
30	Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu (trường Tiểu học Tô Hiệu cũ)"						
	Đường quy hoạch từ 7,0 m đến 7,5m"	2,0					
31	Khu quy hoạch chợ, dân cư bản Hải, phường Chiềng An						
	Đường quy hoạch rộng 13 m.	2,0					
32	Khu quy hoạch dân cư Đồi Châu, tổ 9, phường Chiềng Lè						
	Đường quy hoạch rộng 7,5 m: Đoạn từ giáp đường Tô Hiệu đến đường quy hoạch 5,0 m giáp với nhà văn hóa tổ 9, phường Chiềng Lè (trừ vị trí của đường Tô Hiệu)	1,3	1,1				
	- Đoạn còn lại của đường quy hoạch 7,5 m.	1,1	1,4				
	Đường quy hoạch 6,5 m (trừ vị trí 1 đường Tô Hiệu)	1,3	1,3				
	Đường quy hoạch 5,0 m	1,4	1,5				
	Đường quy hoạch từ 3,0 m đến dưới 4,5 m (Đường đổ bê tông hoặc rải nhựa)	2,0	2,0				
	Đường quy hoạch dưới 2,5 m (Đường đổ bê tông hoặc rải nhựa)	2,0	2,0				
33	Khu dân cư tổ 13, phường Quyết Thắng (Dâu tằm tơ)						
	Đường quy hoạch rộng 7,5 m.	2,6					
34	Khu dân cư và dịch vụ ngã tư Cơ Khí, phường Chiềng Sinh"						
	Đường quy hoạch 25 m	2,3					
	Đường quy hoạch 13 m	2,3					
35	Các đường nhánh khu dân cư phố Trần Hưng Đạo và phố Lý Tự Trọng						
	Đường nhánh rộng từ 5,5 m trở lên"	2,0					
	Đường nhánh rộng từ 3,0 m đến dưới 5,0 m.	2,0					
36	Lô số 4b, Kè suối Nậm La						
	Đường quy hoạch 18m	2,0					
	Đường quy hoạch 15,5m	1,9					

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Đường quy hoạch 10,5m đến 11,5m	2,0					
	Đường quy hoạch 8,5m đến 9,5m	2,0					
	Đường quy hoạch 5m đến 5,5m	2,3					
37	Lô số 4c, Kè suối Nậm La						
	Đường quy hoạch 11,5m	2,3					
	Đường quy hoạch 9,5m	2,3					
	Đường quy hoạch 5m	2,3					
38	Lô số 6b, Kè suối Nậm La						
	Đường quy hoạch 25m trở lên"	2,6					
	Đường quy hoạch 16,5m	2,6					
	Đường quy hoạch 13,5m	2,6					
	Đường quy hoạch 11,5m	2,6					
	Đường quy hoạch 10,5m	2,6					
39	Khu tái định cư bệnh viện đa khoa 550 giường tỉnh Sơn La						
	Đường quy hoạch 16,5 m	2,0					
	Đường quy hoạch 10,5 m	2,0					
40	Khu tái định cư Trường Trung cấp Luật Tây Bắc, phường Chiềng Sinh						
	Đường quy hoạch 21 m	2,0					
	Đường quy hoạch 16,5m	2,1					
	Đường quy hoạch 9,5 m	2,0					
	Đường quy hoạch 7,5 m	2,0					
	Đường quy hoạch 5,5 m	2,0					
	Đường quy hoạch 4 m	2,0					
41	Khu dân cư bản Mé Ban phường Chiềng Cơi						
	Đường quy hoạch 16,5 m	2,8					
	Đường quy hoạch 9,0 m	2,8					
42	Khu dân cư mới phường Quyết Thắng (khu tái cư số 1)						
	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	2,0					
	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,9					
	Đường quy hoạch rộng 13,0 m	1,7					
	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,5					
43	Khu quy hoạch tái định cư số 2 (Tổ 7, phường Tô Hiệu)						
	Đường quy hoạch rộng từ 11,5 m trở lên"	2,0					
44	Khu quy hoạch Ao Quảng Pa - Tổ 9 Phường Quyết Thắng						
	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	1,0					
45	Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (sau chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam)						
	Đường quy hoạch 13m	2,2	1,0	1,0	1,0		

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
46	Khu đô thị phường Chiềng An (lô số 6,7 dọc suối Nậm La)						
	Đường quy hoạch 25m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 20,5m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch từ 16,5m đến 17,5m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 7m đến 7,5m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 5,5m	1,0	1,0	1,0			
47	Khu dân cư thương mại suối Nậm La – Lô số 5						
	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	1,0	1,0				
	Đường quy hoạch từ 13m đến 13,5m	1,0	1,0				
	Đường quy hoạch 11,5m	1,0	1,0				
48	Khu đô thị số 1 phường Chiềng Sinh						
	Đường quy hoạch 16,5m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 11,5m	1,0	1,0	1,0			
49	Lô số 3a, kè suối Nậm La						
	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	1,0	1,0				
	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0				
	Đường quy hoạch 10,5m	1,0	1,0				
	Đường quy hoạch 8,0m	1,0	1,0				
50	Khu dân cư tại tổ 5, (khu vực Trạm truyền dẫn sóng phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh						
	Đường quy hoạch từ 20,5m đến 21m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 16,5m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 7m	1,0	1,0	1,0			
	Đường quy hoạch 5,5m	1,0	1,0	1,0			
51	Khu quy hoạch 4a, kè suối Nậm La						
	Đường quy hoạch 18,5 m	1,0	1,0				
	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0	1,0				
	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0				
B	HUYỆN THUẬN CHÂU						
I	Thị trấn Thuận Châu						
1	Đoạn từ cầu trên đường Tây Bắc giáp chợ hướng đi Sơn La (cả 2 bên đường)						
a	Đường Tây Bắc (hướng đi Sơn La)						
	Từ KM 335 + 750m (từ cầu suối cạn đường vào phòng Giáo dục) đến Km 335 + 550 m (hết đất Bảo hiểm xã hội tiểu khu 14 thị trấn)	1,5	1,3	1,3			

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Từ hết KM 335 + 550m (từ giáp đất Bảo hiểm xã hội tiểu khu 14) đến Km 335 + 150m (ngõ lên bản Nà Lĩnh)	1,8	1,3	1,3			
	Từ Km 335+150m (từ ngõ lên bản Nà Lĩnh) đến Km 334+750m (đến khu đất nhà ông Gắng Hẹn Tiểu khu 18 thị trấn)	1,8	1,3	1,3	1,3		
	Từ Km 334+750m (từ khu đất nhà ông Gắng Hẹn Tiểu khu 18 thị trấn) đến Km 334+310m (đến hết đường đôi nhà Hà Lệ)	1,8	1,3	1,3	1,3		
	Từ Km 334+310m (từ hết đất nhà Hà Lệ) đến KM 333+740m (đến hết đất Trường Tiểu học Thôm Mòn)	1,7	1,3	1,3	1,3		
	Từ Km 333+740m (từ hết đất Trường Tiểu học Thôm Mòn) đến Km 333+100m	1,8	1,3	1,3	1,3		
b	Phố Pha Luông						
	Đường số 1 khu vực quy hoạch dịch vụ bờ hồ Chợ trung tâm	1,3					
	Ngõ số 01 từ đường Tây Bắc vào cổng Chợ trung tâm (trừ lô đất giáp đường vào chợ)	2,0					
	Ngõ số 02 từ đường Tây Bắc vào cổng chợ trung tâm (trừ lô đất giáp đường vào chợ)	2,0					
	Từ đường số 01 sang đường số 6 tuyến đường số 04 (trừ lô đất giáp đường số 01)	1,8					
	Từ đường Tây Bắc đi cổng sau chợ tuyến đường số 06 (trừ lô giáp đường Tây Bắc)	1,8					
c	Đường Tây Bắc (hướng đi Điện Biên)						
	Từ hết Km 335+750 m (từ cầu suối cạn đường vào phòng Giáo dục Tiểu khu 10 thị trấn) đến Km 336+20m (đến hết đất UBND thị trấn Tiểu khu 5 cả hai bên)	1,6	1,3	1,3	1,3		
	Từ hết Km 336+20m (từ hết đất UBND thị trấn tiểu khu 5) đến Km 336+100m (đến đầu lên phố Nguyễn Lương Bằng)	2,3	1,3	1,3	1,3		
2	Đường 21-11 (hướng đi Điện Biên)						
	Từ hết KM 336+130m (từ giáp đất nhà ông Minh Thư tiểu khu 4) đến KM 336+280m (đến khu đất hạt 108)	2,8	1,3	1,3	1,3		
	Từ hết KM 336+280 (từ khu hạt 108) đến KM 336+530m (đến qua ngã ba đường đi Co Mạ hướng Điện Biên 20m)	2,8	1,3	1,3	1,3		
	Từ hết Km 336+530m (từ cách ngã ba đường 21-11 đường đi Co Mạ hướng đi Điện Biên 20m) đến km 337+420m (đến hết đất hồ Noong Hoi bản Bó, xã Chiềng Ly)	1,6	1,3	1,3	1,3		

STT	Đường phố	Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
	Từ hết Km 337+420m (từ khu vực hồ Noong Hoi bản Bô xã Chiềng Ly) đến Km 338+260m (đến khu vực nghĩa trang bản Coóng)	2,3	1,3	1,3	1,3		
	Từ Km 338+260m (đến hết đất khu vực nghĩa trang bản Coóng) đến Km 339+260m (đến cuối đường đôi)	1,7	1,3				
3	Đường Trung Dũng (cả hai bên)						
	Từ đường Tây Bắc đến hết đất Lương Thực (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,3	1,3	1,3	1,3		
	Từ hết đất lương thực đến cổng Trường Đại học sư phạm Tây Bắc	1,7	1,3	1,3	1,3		
	Khu dân cư quanh trường Đại học Tây bắc	2,5	1,3	1,3	1,3		
4	Các đường nhánh còn lại nối với Đường Tây Bắc						
	Đường vào Đội đô thị đến Trạm biến thế (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,3	1,3	1,3	1,3		
5	Đường Tỉnh lộ 108						
	Từ ngã ba bản Pán đường 21-11 đường lên Co Mạ khoảng cách 300m (trừ lô đất giáp đường 21-11)	3,9	1,3	1,3	1,3		
6	Phố Nguyễn Lương Bằng (cả hai bên)						
	Từ ngã ba Quốc lộ 6 vào 100m đến hết đất nhà ông Thể Ngần (trừ lô đất giáp Quốc lộ 6)	2,4	1,3	1,3	1,3		
	Từ hết đất nhà ông Thể Ngần đến cổng trường Đại học Tây Bắc	3,0	1,3	1,3	1,3		
7	Phố Khau Tú (cả hai bên)						
	Từ ngã ba đường Trung Dũng lên trường Tiểu học thị trấn đến hết đất nhà ông Bế Hùng	2,5	1,3	1,3	1,3		
8	Phố Lò Văn Hặc (cả hai bên)						
	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến cổng UBND huyện (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,3	1,3				
	Ngõ số 01: Từ hết đất nhà ông Bắc Duyên đến hết đất nhà ông May (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,3	1,3				
	Ngõ số 02: Từ hết đất nhà ông Lực đến hết đất nhà ông Lê (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,3	1,3				
	Ngõ số 03: Từ hết đất nhà ông Trung Lê đến hết đất nhà ông Áo (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,3	1,3				
	Ngõ số 04: Từ hết đất nhà ông Yên Duyên đến hết đất tập thể Ngân hàng cũ (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,3	1,3				
	Ngõ số 05: Từ hết đất nhà ông Hưng Lan đến giáp đất nhà Khách UBND huyện (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,3	1,3				
9	Phố Chu Huy Mân (cả hai bên đường)						